

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **08/2021/DS-ST**
Ngày: 25-02-2021.
V/v “tranh chấp hợp đồng mua
bán tài sản”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phê

Các hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Chót

- Ông Dương Văn Hai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lộc -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú.

Ngày 25 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 330/2020/TLST–DS ngày 30 tháng 11 năm 2020 về việc tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST –DS ngày 20 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/QĐST –DS ngày 05/02/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Diếp Thị Diễm T, sinh năm 1982; địa chỉ cư trú: Số 200 ấp LH1, xã HM, huyện CT, tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1966, địa chỉ cư trú: Số 131/3 ấp TT, xã B, huyện P, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn M, sinh năm 1966; địa chỉ cư trú: Số 131/3 ấp TT, xã B, huyện P, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng chị Diếp Thị Diễm T trình bày:

Trong năm 2018 bà Nguyễn Thị T1 và ông Lê Văn M có mua thức ăn, thuốc, hóa chất xử lý tại Đại lý phân phối thuốc thú ý - Thủy sản Phú Hào do chị làm chủ; mục đích để nuôi tôm thẻ chân trắng. Khi mua bán hai bên có thỏa thuận; chị sẽ giao thức ăn, thuốc, hóa chất xử lý cho bà T1, ông M trước và đến khi thu hoạch tôm bà T1, ông M có nghĩa vụ trả tiền nợ cho chị. Việc mua bán không làm hợp đồng, hai bên thỏa thuận khi giao hàng thì bà T1, ông M phải kiểm tra ký nhận đầy đủ và chị có viết hóa đơn để theo dõi nợ. Thời gian đầu bà T1, ông M trả tiền đầy đủ nhưng đến năm 2018 do nuôi tôm thua lỗ nên bà T1, ông M không trả nợ cho chị. Vào ngày 02/5/2020 hai bên có đối chiếu công nợ thì phía bà T1 có ký xác nhận nợ chị số tiền 53.994.000 đồng. Mục đích bà T1, ông M nuôi tôm là để làm ăn, phát triển kinh tế chung trong gia đình.

Trong qua trình khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú căn cứ vào phiếu thu ngày 07/02/2021 của đại lý thì bà T1, ông M có tự nguyện giao trả cho chị số tiền 13.900.000 đồng.

Tại phiên tòa chị yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T1, ông M phải liên đới trách nhiệm giao trả cho chị số tiền nợ 40.000.000 đồng, yêu cầu trả một lần, chị không yêu cầu tính lãi. Chị tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện bà T1, ông M đối với số tiền 13.994.000 đồng.

Tại bản tự khai ngày 08/12/2020 bà Nguyễn Thị T1 và ông Lê Văn M cùng trình bày:

Ông, bà thừa nhận có mua thức ăn, thuốc, hóa chất xử lý tại Đại lý phân phối thuốc thú y - Thủy sản Phú Hào do chị Trang làm chủ; mục đích để nuôi tôm thẻ chân trắng. Trong năm 2018 do nuôi tôm thua lỗ nên ông, bà không có khả năng trả nợ cho chị Trang. Ông, bà thừa nhận hai bên có đối chiếu công nợ ngày 02/5/2020 thì ông, bà còn nợ chị Trang số tiền 53.994.000 đồng.

Qua yêu cầu của chị Diếp Thị Diễm T thì ông, bà đồng ý liên đới để trả nợ theo yêu cầu của chị Trang nhưng yêu cầu được trả dần trong thời hạn 02 năm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn bà Nguyễn Thị T1 và ông Lê Văn M đăng ký thường trú số 31/3 ấp TT, xã B, huyện P, tỉnh Bến Tre do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị T1 và ông Lê Văn M đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bà T1 và ông M vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà T1, ông M.

[4] Về nội dung vụ án: Theo đơn khởi kiện chị Diếp Thị Diễm T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị T1 và ông Lê Văn M phải liên đới trả cho chị số tiền 53.994.000 đồng; yêu cầu trả 01 lần; không yêu cầu tính lãi. Tại bản khai ngày 08/12/2020 bà T1, ông M đồng ý liên đới cho chị Trang số tiền 53.994.000 đồng nhưng xin được trả nợ dần trong thời hạn 02 năm cho đến khi hết nợ. Do hòa giải không thành nên vụ án được đưa ra xét xử theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đến ngày 07/02/2021 chị Diếp Thị Diễm T có đơn xin rút một phần khởi kiện bà T1, ông M đối với số tiền 13.994.000 đồng.

[5] Tại phiên tòa chị Diếp Thị Diễm T tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện bà T1, ông M đối với số tiền 13.994.000 đồng, xét thấy yêu cầu này của chị Trang là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Xét thấy hợp đồng mua bán tài sản giữa chị Diếp Thị Diễm T và bà Nguyễn Thị T1, ông Lê Văn M được xác lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không bị lừa dối hoặc bị ép buộc và không vi phạm quy định tại Điều 116, Điều

117 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được xem là hợp đồng hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án bà T1 ông M thừa nhận có nợ chị Trang số tiền 53.994.000 đồng và đồng ý liên đới trả cho chị Trang số tiền nêu trên nên thuộc tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bà T1, ông M đã vi phạm hợp đồng mà hai bên đã thỏa thuận làm phát sinh tranh chấp. Lẽ đó việc chị Trang yêu cầu bà Nguyễn Thị T1 và ông Lê Văn M có nghĩa vụ liên đới trả cho anh số tiền 40.000.000 đồng là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Xét yêu cầu trả nợ dân của bà T1, ông M, xét thấy bà T1, ông M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho chị Trang trong một thời gian dài đã ảnh hưởng đến quyền lợi của chị Trang. Mặc khác tại phiên tòa chị Trang cũng không đồng ý với yêu cầu trả nợ dân của bà T1, ông M. Do đó yêu cầu của bà T1, ông M không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Do chị Diếp Thị Diễm T không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Bà Nguyễn Thị T1, ông Lê Văn M phải liên đới nộp án phí theo quy định của pháp luật, được tính như sau: $5\% \times 40.000.000 \text{ đồng} = 2.000.000 \text{ đồng}$.

[10] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm b, khoản 1 Điều 35, 39, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430, 440 và Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Diếp Thị Diễm T. Buộc bà Nguyễn Thị T1 và ông Lê Văn M phải liên đới trách nhiệm giao trả cho chị Diếp Thị Diễm T số tiền 40.000.000 đồng (Bốn chục triệu đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Do chị Diếp Thị Diễm T không yêu cầu bà Nguyễn Thị T1 và ông Lê Văn M phải trả lãi nên không xem xét giải quyết.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Diếp Thị Diễm T đối với số tiền 13.994.000 đồng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị T1 và ông Lê Văn M phải liên đới nộp là 2.000.000 đồng.

Chị Diếp Thị Diễm T được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre hoàn trả số tiền 1.395.000 đồng theo biên lai thu số 0005492 ngày 30/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày (mười lăm ngày), kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Huỳnh Thị Phê

.

**Caùc Hoäi thaâm nhaân daân
toãi phieân toaø**

Thaâm phaùn – Chuû

Nguyeãn Văn Chóót – Phạm Minh Đạt

Huyønh Thò Pheâ

